

Phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay: rào cản và giải pháp

Mai Lan Hương¹

¹ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
Email: huongml@neu.edu.vn

Nhận ngày 5 tháng 12 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 12 tháng 2 năm 2019.

Tóm tắt: Trong những năm qua, kinh tế tư nhân có vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển và giải quyết các vấn đề xã hội như: tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo... Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách để thúc đẩy sự phát triển của thành phần kinh tế này. Tuy nhiên, sự phát triển của kinh tế tư nhân hiện nay lại đang gặp phải những rào cản, đòi hỏi phải có những giải pháp thích hợp để kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững, trở thành động lực chủ yếu của nền kinh tế.

Từ khóa: Kinh tế tư nhân, rào cản, giải pháp, Việt Nam.

Phân loại ngành: Kinh tế học

Abstract: Over the past years, the private economic sector has played a very important role in the economy, contributing to the promotion of economic development and solving of social issues such as employment, hunger eradication and poverty reduction... The Vietnamese Party and State have also devised many guidelines and policies to promote the development of the economic sector. However, its development is currently facing hindrances, requiring appropriate solutions for the development in a fast and sustainable manner, so that it can become the main driving force of the economy.

Keywords: Private economy, hindrances, solutions, Vietnam.

Subject classification: Economics

1. Mở đầu

Trong quá trình đổi mới kinh tế ở Việt Nam, kinh tế tư nhân không chỉ dần được hồi phục mà còn phát triển nhanh chóng cả

về số lượng và chất lượng, trở thành bộ phận kinh tế lớn nhất và là động lực quan trọng của nền kinh tế. Năm 2017, cả nước có khoảng trên 700.000 doanh nghiệp hoạt động, trong đó 97% là doanh nghiệp nhỏ và

vừa, chủ yếu thuộc kinh tế tư nhân. Riêng năm 2017 đã có 126.000 doanh nghiệp thành lập mới, tăng 16.000 doanh nghiệp so với năm 2016. Tính đến hết ngày 31/8/2018, cả nước có khoảng 600.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa đang hoạt động, chiếm khoảng 97,5% số doanh nghiệp đăng ký. Trong năm 2018, cả nước có 87.450 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 878.627 tỷ đồng [8]. Tỷ trọng của kinh tế tư nhân trong GDP luôn ở mức trên 43%, trong khi khu vực kinh tế nhà nước là 28,9% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) là 18%; kinh tế tư nhân đóng góp 30% thu ngân sách nhà nước. Không chỉ như vậy, kinh tế tư nhân còn đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề xã hội như: tạo việc làm (thu hút khoảng 85% lực lượng lao động của cả nước), xóa đói, giảm nghèo...[6]. Tuy nhiên kinh tế tư nhân hiện đang gặp những khó khăn, cản trở cần được tháo gỡ kịp thời để phát triển sâu rộng hơn nữa trong thời gian tới. Bài viết này phân tích những rào cản và giải pháp phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam.

2. Những rào cản trong phát triển kinh tế tư nhân

Thứ nhất, hệ thống pháp luật về kinh tế tư nhân chưa đầy đủ và hoàn thiện, nhiều quy định còn chưa rõ ràng, thiếu nhất quán, thống nhất như còn chứa đựng mâu thuẫn giữa quy định của pháp luật với những văn bản dưới luật khiến cho các cơ quan thực thi pháp luật và các doanh nghiệp lúng túng trong việc chấp hành luật. Chẳng hạn như Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư đã được sửa đổi, bổ sung nhiều, nhưng vẫn còn khá nhiều rào cản dưới luật gắn với các quy

định về điều kiện kinh doanh như các “giấy phép con”. Trong số 5.826 điều kiện đầu tư kinh doanh áp dụng đối với 267 ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư, thì có đến 2.833 điều kiện hiện đang được quy định tại các văn bản được ban hành không đúng thẩm quyền [5]. Việc quy định quá nhiều điều kiện kinh doanh như vậy đã hạn chế quyền tự do đầu tư kinh doanh của người dân và doanh nghiệp.

Có thể nói, mặc dù Việt Nam đã sửa đổi Hiến pháp, ban hành nhiều đạo luật nhưng hệ thống pháp luật và thể chế của Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ hai, sự quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế nói chung và đối với khu vực kinh tế tư nhân nói riêng chưa thật sự phù hợp với kinh tế thị trường và hiệu quả chưa cao. Chưa tạo lập môi trường đầu tư và kinh doanh công bằng, thuận lợi; còn nhiều bất cập, nặng về cơ chế “xin-cho”, thủ tục hành chính rườm rà buộc các doanh nghiệp phải phí tổn các khoản chi phí không chính thức dưới nhiều hình thức như lót tay, quà tặng. Theo Ngân hàng Thế giới (WB), chỉ số hiệu quả chính quyền của Việt Nam mặc dù có sự cải thiện, nhưng vẫn nằm dưới điểm trung bình của thế giới. Xét về tổng thể, Việt Nam vẫn xếp hạng dưới mức trung bình của thế giới về năng lực quản trị quốc gia [1].

Trong cơ chế, chính sách vẫn còn có sự bất bình đẳng giữa khu vực kinh tế tư nhân, khu vực kinh tế nhà nước và khu vực kinh tế có vốn đầu tư của nước ngoài. Trong quá trình xử lý các hồ sơ xin vay vốn từ các tổ chức tín dụng hiện vẫn còn sự phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp nhỏ và vừa và các doanh nghiệp lớn, giữa doanh nghiệp tư

nhân và doanh nghiệp nhà nước. Nói chung, doanh nghiệp nhà nước ngoài ưu đãi được cấp vốn từ ngân sách nhà nước, còn được ưu đãi hơn, tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, đất đai, mặt bằng sản xuất. Những ưu ái này, một mặt làm cho việc phân bổ các nguồn lực bị sai lệch, kém hiệu quả; mặt khác, làm cho môi trường kinh doanh không thực sự công bằng, lành mạnh.

Thứ ba, khả năng tiếp cận vốn vay tín dụng của các doanh nghiệp còn hạn chế. Theo kết quả phân tích của WB thì có 24,7% doanh nghiệp Việt Nam năm 2015 coi tiếp cận tín dụng là trở ngại lớn nhất khiến cho doanh nghiệp không phát triển được. Tỷ lệ này cao hơn nhiều so với Indonesia là 6,3%, Thái Lan là 4,9% và Malaysia là 0,9%. Kết quả điều tra của Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM) cho rằng thiếu vốn và khó tiếp cận tài chính vẫn là trở ngại lớn nhất của doanh nghiệp [1]. Theo Báo cáo của nhóm nghiên cứu trường Đại học Kinh tế Quốc dân thì 58% doanh nghiệp được hỏi trong số 695 doanh nghiệp điều tra đã từng nộp đơn xin vay vốn ngân hàng [1]. Nguyên nhân chính của các doanh nghiệp đã bị từ chối hoặc chỉ được giải ngân một phần là do tài sản thế chấp không đủ điều kiện. Đặc biệt, các doanh nghiệp nhỏ và vừa khó có khả năng tiếp cận nguồn vốn vay chính thức vì phần lớn mặt bằng sản xuất, máy móc trang thiết bị cơ bản là đi thuê. Trong khi đó, tài sản thế chấp được yêu cầu trong hồ sơ xin vay vẫn là đất đai, nhà thuộc sở hữu của doanh nghiệp. Có thể nói đây là một trong những rào cản lớn nhất đối với doanh nghiệp nói chung ở Việt Nam và đặc biệt đối với các doanh nghiệp tư nhân, các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Vì không đủ điều kiện tài sản thế chấp nên các doanh nghiệp nước ta hiện nay vẫn phải tiếp nhận vốn vay với lãi suất cao. Lãi suất vay cao khoảng 7-9%/năm trong khi Trung Quốc là 4,3%/năm, Malaysia là 4,6%/năm và Hàn Quốc là 2-3%/năm [6]. Ngoài chi trả lãi suất cao, để tiếp cận được nguồn vốn tín dụng các doanh nghiệp phải bỏ thêm chi phí lót tay và quà tặng. Như vậy, lãi suất cao, chi phí lót tay và quà tặng đang là những rào cản lớn hạn chế khả năng tiếp cận vốn vay từ các tổ chức tín dụng và làm gia tăng chi phí sản xuất của các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân.

Thứ tư, thủ tục hành chính rườm rà buộc các doanh nghiệp phải trả các khoản chi phí phi chính thức cũng là một gánh nặng lớn đối với các doanh nghiệp tư nhân. Trong những năm qua, Việt Nam đã tiến hành nhiều chính sách cải cách hệ thống thuế theo hướng đơn giản và giảm bớt áp lực về thuế cho doanh nghiệp. Nhờ đó mức thuế thu nhập doanh nghiệp (CIT) và thuế giá trị gia tăng (VAT) của Việt Nam hiện tại đang tương đồng với các nước thuộc khu vực ASEAN và thấp hơn so với mặt bằng chung thuế VAT của các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD). Vì vậy, chi phí chính thức về thuế đối với doanh nghiệp đã được cắt giảm nhiều. Tuy nhiên, chi phí phi chính thức gây ra bởi thủ tục hành chính vẫn còn là rào cản lớn đối với doanh nghiệp. Năm 2014, các doanh nghiệp phải tiêu tốn tới 872 giờ trong một năm để nộp thuế so với 204 giờ của khu vực và 175 giờ của các nước thuộc OECD. Đến năm 2016, con số này giảm xuống còn 540 giờ và năm 2017 là 498 giờ. Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng thời gian nộp thuế của Việt Nam năm 2016 vẫn cao nhất trong các nước trong khu vực, gấp 1,37 lần so với Lào và 7,8 lần so với Singapore [1].

Đối với lĩnh vực hải quan, những cải cách trong Luật Hải quan 2014 đã tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động xuất, nhập khẩu như thực hiện cơ chế một cửa quốc gia trong hoạt động hải quan, giảm bớt thủ tục hồ sơ không cần thiết hay rút ngắn thời gian hoàn thành kiểm tra thực tế hàng hóa. Tuy vậy, trong lĩnh vực hải quan vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề như sự chồng chéo trong kiểm tra chuyên ngành; quy định kiểm tra toàn bộ lô hàng; quy định tiền kiểm; thủ tục; hồ sơ kiểm tra chuyên ngành còn bất hợp lý. Thời gian thông quan ở biên giới với hàng hóa xuất khẩu ở Việt Nam cần 55 giờ, cao hơn nhiều so với Singapore là 10 giờ và xấp xỉ bằng Thái Lan. Đối với hàng hóa nhập khẩu, doanh nghiệp cần 50 giờ và chi phí phải trả là 139 USD, đắt nhất trong khu vực. Những bất cập trong lĩnh vực hải quan đã khiến cho nhiều doanh nghiệp vẫn phải bỏ ra các khoản chi phí không chính thức trong quá trình làm thủ tục hải quan.

Thứ năm, giá các yếu tố đầu vào liên tục tăng, như giá thuê đất, giá xăng dầu, vận tải, nhân công, giá nguyên vật liệu. Do đó chi phí sản xuất tăng, dẫn đến làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì thế, khả năng tích lũy để mở rộng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bị hạn chế nhiều.

Thứ sáu, phần lớn các doanh nghiệp nhỏ và vừa mà chủ yếu là các doanh nghiệp tư nhân đều có khả năng cạnh tranh yếu và trung bình. Rất ít sản phẩm có thương hiệu Việt Nam chiếm lĩnh được thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu. Đa số sản phẩm xuất khẩu là hàng gia công, sơ chế và phụ thuộc nhiều vào cơ chế ưu đãi, tài nguyên thiên nhiên và nhân công giá rẻ. Khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp thấp, nhưng cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn. Bởi lẽ Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng với kinh tế khu vực và thế giới. Theo

cam kết thì đại đa số các dòng thuế xuất nhập khẩu sẽ về 0%, nên các doanh nghiệp phải kinh doanh trong môi trường cạnh tranh gay gắt hơn nhiều cả trên thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu.

3. Giải pháp thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển

Việt Nam đặt mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 cả nước sẽ có ít nhất 1 triệu doanh nghiệp, hơn 1,5 triệu doanh nghiệp vào năm 2025 và có ít nhất 2 triệu doanh nghiệp vào năm 2030. Tốc độ tăng trưởng của kinh tế tư nhân cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế. Phấn đấu tăng tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP đạt khoảng 50% năm 2020, khoảng 55% năm 2025 và 60-65% năm 2030.

Để đạt được mục đích trên, cần giải quyết tốt hai vấn đề lớn: tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng, lành mạnh thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân; hỗ trợ kinh tế tư nhân tháo gỡ những khó khăn, cản trở hiện nay.

3.1. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân

Một là, hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh tế. Để tạo môi trường pháp lý bình đẳng, minh bạch, thuận lợi cho sự phát triển kinh tế tư nhân trong điều kiện hội nhập kinh tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Kinh tế tư nhân là bộ phận lớn nhất của nền kinh tế Việt Nam, nên việc hoàn thiện luật pháp kinh tế tư nhân cần được đặt trong tiến trình hoàn thiện luật pháp kinh tế nói chung của quốc gia. Việc hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh tế theo hướng xóa bỏ phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế, dỡ bỏ tất cả

các rào cản để các loại hình doanh nghiệp hoạt động kinh doanh bình đẳng trong khuôn khổ luật pháp cho phép; đảm bảo tính đồng bộ, nhất quán và thống nhất nghĩa là không chứa đựng mâu thuẫn giữa luật với luật, giữa luật với văn bản dưới luật, giữa luật quốc gia với luật quốc tế và những cam kết quốc tế mà Việt Nam đã cam kết.

Việc hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh tế được thực hiện bằng việc xây dựng và ban hành một số luật mới thật sự cần thiết và rà soát, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một cách cẩn trọng các luật quan trọng liên quan tới môi trường pháp lý cho hoạt động của các doanh nghiệp, như: Luật Thương mại, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Doanh nghiệp (sửa đổi), Luật Đầu tư (sửa đổi), Luật Đầu tư công, Luật Hải quan, Luật Cạnh tranh, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa... Đồng thời, cần rà soát kỹ lưỡng các văn bản dưới luật, các văn bản pháp quy.

Những văn bản ban hành không đúng thẩm quyền, những văn bản mà quy định của nó không phù hợp với luật đã ban hành, những giấy phép con thì kiên quyết loại bỏ. Thực hiện tốt những điều này sẽ hình thành hệ thống pháp luật kinh tế phù hợp hơn với thực tế kinh tế đã và đang biến đổi ở nước ta.

Hệ thống luật pháp càng được hoàn thiện thì môi trường pháp lý càng trở nên bình đẳng, thuận lợi cho hoạt động của các đơn vị kinh tế thuộc mọi thành phần kinh tế, nhất là các đơn vị kinh tế tư nhân hiện nay.

Hai là, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế. Trong nền kinh tế thị trường, nhà nước quản lý các hoạt động của nền kinh tế bằng luật pháp và các biện pháp kinh tế là chủ yếu. Vì thế, để hoàn thiện, nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế, Nhà nước cần phải hoàn thiện hệ thống luật pháp như đã được phân tích ở trên.

Điều hết sức quan trọng hiện nay là vấn đề thực thi luật pháp phải thực sự nghiêm chỉnh. Cơ quan quản lý nhà nước (cơ quan hành pháp) thực thi đầy đủ, đúng quy định của luật đã ban hành sẽ tạo môi trường kinh doanh công bằng, thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh; ngược lại sẽ gây khó khăn, cản trở các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chẳng hạn, sự phân biệt đối xử trong thực tế quản lý giữa các loại hình doanh nghiệp đối với việc tiếp cận các nguồn lực đang gây khó khăn, cản trở lớn cho sự phát triển của kinh tế tư nhân hiện nay. Vì vậy, cần loại bỏ sự phân biệt này để tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh công bằng cho mọi loại hình doanh nghiệp.

Quản lý kinh tế của nhà nước cần phải phù hợp với kinh tế thị trường. Trong điều kiện kinh tế thị trường, nhà nước hoàn toàn không nên can thiệp sâu vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân. Nhà nước cần tập trung thực hiện tốt chức năng cơ bản của nhà nước trong kinh tế thị trường, đó là tạo lập khung khổ luật pháp cho hoạt động kinh tế; xây dựng kết cấu hạ tầng, điều hành (quản trị) kinh tế vĩ mô, tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng, công bằng, tạo lập hệ thống thị trường đồng bộ và làm cho nó vận hành lành mạnh, hiệu quả.

Trong kinh tế thị trường, thị trường có vai trò quyết định trong việc phân bổ tối ưu các nguồn lực kinh tế. Vì thế, cần chấm dứt hoàn toàn cơ chế “xin-cho” trong phân bổ các nguồn lực; loại bỏ triệt để sự phân biệt đối xử đối với các loại hình doanh nghiệp; khuyến khích kinh tế tư nhân đầu tư vào những lĩnh vực, ngành nghề mà luật pháp không cấm. Nhà nước cần nỗ lực thực hiện vai trò Chính phủ liên chính, kiến tạo và phục vụ phát triển.

Trong điều hành kinh tế vĩ mô hiện nay, Nhà nước cần đảm bảo sự ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát; đẩy mạnh quá trình cơ cấu lại nền kinh tế thị trường gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế; chủ động, linh hoạt điều hành chính sách tiền tệ theo cơ chế thị trường, giữ lạm phát ở mức hợp lý. Giải quyết có hiệu quả những vấn đề này sẽ tạo điều kiện thúc đẩy nền kinh tế phát triển trong điều kiện hiện nay, trong đó có kinh tế tư nhân.

Đối với các hoạt động kinh tế vi mô, hoạt động của các doanh nghiệp, Nhà nước cần cắt giảm tối đa các tác động bằng biện pháp hành chính đến hoạt động của các doanh nghiệp, nhất là hoạt động của các doanh nghiệp tư nhân. Sự quản lý của Nhà nước đối với hoạt động của các doanh nghiệp chủ yếu nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ luật pháp, phòng tránh rủi ro, nắm bắt được tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có biện pháp hỗ trợ tháo gỡ kịp thời những khó khăn để hoạt động có hiệu quả, chứ không phải nhằm thanh tra, xử phạt hay “xiết chặt” các quy định, không phải hạn chế quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp.

Cải cách thủ tục hành chính quyết liệt hơn nữa nhằm đơn giản hóa tối đa các thủ tục hành chính để tạo sự thuận tiện nhất có thể được cho người dân và doanh nghiệp. Muốn vậy, cần thực hiện các biện pháp: (1) đơn giản hóa từng loại thủ tục hành chính, cắt giảm tối đa các thủ tục không thực sự cần thiết, chỉ giữ lại các thủ tục, hồ sơ thực sự cần thiết đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước; công khai các thủ tục hành chính; (2) xóa bỏ cơ chế “xin-cho”, thủ tục “tiền kiểm”, chuyển từ cơ chế xin cấp phép sang cơ chế đăng ký; áp dụng cơ chế “hậu kiểm”, việc kiểm tra cũng phải rõ ràng để tránh sách nhiễu và lợi dụng; (3) áp dụng mạnh số hóa để hiện đại hóa thủ tục

hành chính, tăng cường tính minh bạch của các thủ tục hành chính, hạn chế tiêu cực, những nhiễu trong lĩnh vực này.

Nhìn nhận một cách khái quát thì sự hoàn thiện hệ thống luật pháp và quản lý kinh tế của nhà nước phù hợp với kinh tế thị trường, nói rộng ra là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là điều kiện tiên quyết để tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế nói chung và cho phát triển kinh tế tư nhân nói riêng ở nước ta.

3.2. Hỗ trợ các nguồn lực để kinh tế tư nhân phát triển

Về chính sách tín dụng, hiện nay các chủ thể kinh tế tư nhân đều thiếu vốn để phát triển sản xuất kinh doanh, đây là một trong những khó khăn lớn nhất khiến cho kinh tế tư nhân chưa phát triển mạnh. Vì vậy, cần tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tư nhân tiếp cận vốn vay với lãi suất và điều kiện vay thích hợp. Muốn vậy cần đơn giản hóa các thủ tục vay vốn từ ngân hàng thương mại; xóa bỏ sự phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp trong việc tiếp cận vốn vay ngân hàng; cân đối các nguồn vốn vay với lãi suất và kỳ hạn hợp lý hơn cho các doanh nghiệp; có chính sách khuyến khích các ngân hàng cung cấp các khoản vay dài hạn cho các doanh nghiệp. Khuyến khích các ngân hàng thương mại cung cấp tín dụng với lãi suất ưu đãi hơn đối với các dự án khởi nghiệp khả thi và có khả năng sinh lời tốt. Đồng thời, khuyến khích các ngân hàng thương mại áp dụng hình thức đánh giá tín nhiệm doanh nghiệp để tăng cường khả năng cho vay tín chấp.

Nâng cao năng lực tài chính cho các Quỹ bảo lãnh tín dụng đã được thành lập. Việc thẩm định hồ sơ xin bảo lãnh, Quỹ nên dựa

chủ yếu vào kết quả thẩm định hiệu quả của phương án sản xuất, kinh doanh làm căn cứ quan trọng nhất cho việc quyết định bảo lãnh.

Tăng cường hoạt động của Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, thông qua đó tạo nguồn vốn dài hạn với lãi suất hợp lý cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong thẩm định hồ sơ vay vốn, Quỹ phải có thủ tục thông thoáng hơn, điều kiện đỡ ngặt nghèo hơn so với vay vốn từ ngân hàng thương mại; tăng cường các hình thức tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa xây dựng hồ sơ vay vốn, phương án sản xuất kinh doanh, đặc biệt đối với các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ còn nhiều hạn chế về khả năng quản trị kinh doanh. Thúc đẩy mạnh hoạt động của các quỹ đầu tư tư nhân, đầu tư tư nhân mạo hiểm.

Phát triển thị trường vốn để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp huy động nguồn vốn xã hội thông qua phát hành trái phiếu, cổ phiếu đáp ứng yêu cầu đầu tư, giảm dần sự phụ thuộc quá nhiều của doanh nghiệp vào vốn vay ngân hàng như hiện nay.

Về chính sách thuế, tiếp tục hoàn thiện hệ thống thuế phù hợp với kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Việc sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các sắc thuế theo hướng giảm dần thuế suất, giảm số lượng thuế suất, mở rộng phạm vi và đối tượng chịu thuế; đảm bảo công bằng về thuế giữa các thành phần kinh tế, giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước; cân nhắc giảm bớt các hình thức ưu đãi đối với doanh nghiệp FDI cũng như các doanh nghiệp lớn để tạo môi trường kinh doanh công bằng cho các loại hình doanh nghiệp.

Trong điều kiện nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng với kinh tế khu vực và thế giới, cần tiếp tục cắt giảm thuế quan, tiến tới thực hiện thuế suất bằng không đối với tuyệt đại đa số hàng hóa xuất nhập khẩu

theo cam kết, giảm thiểu tiến tới xóa bỏ các biện pháp phi thuế quan.

Vấn đề quan trọng hiện nay là đẩy mạnh hơn nữa cải cách thủ tục hành chính về thuế, đơn giản hóa và công khai các thủ tục tính, kê khai, nộp và quyết toán thuế; tăng cường áp dụng thuế điện tử; giảm bớt các hoạt động thanh tra không cần thiết; phần đầu giảm thời gian nộp thuế của doanh nghiệp. Tăng cường công tác chống buôn lậu, trốn thuế, lậu thuế. Đối với cơ quan hải quan, cần tạo thuận lợi trong nộp lệ phí hải quan và nộp thuế. Mở rộng các hình thức kê khai, thực hiện thủ tục hải quan điện tử để giúp doanh nghiệp chủ động và giảm thời gian thực hiện các hoạt động hành chính này.

Về chính sách đất đai, đất đai có ảnh hưởng đến các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong tất cả các lĩnh vực, ngành nghề. Hiện nay, các doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm mặt bằng để sản xuất, hoặc thuê đất để kinh doanh. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn này.

Đối với các doanh nghiệp công nghiệp và dịch vụ, đất đai là bước đầu tiên để lập nghiệp hoặc mở rộng sản xuất kinh doanh. Do đó, việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê quyền sử dụng đất phải đơn giản, rõ ràng, công khai, tránh thủ tục phiền hà, gây khó khăn, những nhiễu loạn doanh nghiệp.

Đối với lĩnh vực nông nghiệp, cần có chính sách tích tụ ruộng đất phù hợp nhằm tập trung hóa sản xuất, nhờ đó tạo ra lượng nông sản hàng hóa lớn, áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp. Đồng thời, mở rộng hạn điền phù hợp với từng vùng, địa phương, từng loại cây trồng. Nhà nước nên cho doanh nghiệp thuê đất sử dụng lâu dài để doanh nghiệp xây dựng chiến lược kinh doanh, phát triển bền vững.

Việc xác định giá cho thuê đất, giá đền bù đất phải dựa trên quan hệ thị trường và khả năng sinh lời của đất đai. Hiện nay, cần cập nhật và ban hành khung giá đất tối thiểu theo sát giá thị trường.

Ngoài những hỗ trợ nói trên, Nhà nước cần hỗ trợ kinh tế tư nhân đào tạo nguồn nhân lực; đổi mới công nghệ; xúc tiến thương mại; tìm kiếm và mở rộng thị trường; kiểm soát chặt chẽ việc tăng chi phí đầu vào đối với doanh nghiệp, đặc biệt là chi phí điện, nước, than, xăng dầu, chi phí xuất nhập khẩu... Nhà nước cần có kế hoạch giảm tiến độ điều chỉnh giá các mặt hàng dịch vụ nói trên một cách hợp lý để tránh chi phí đầu vào một cách dồn dập.

4. Kết luận

Những phân tích trên đây cho thấy, sự phát triển của kinh tế tư nhân hiện nay ở Việt Nam vẫn còn nhiều rào cản. Trong thời gian tới, để kinh tế tư nhân trở thành động lực thực sự của nền kinh tế, thì cần phải tiếp tục xóa bỏ các rào cản để kinh tế tư nhân phát triển cả về số lượng và chất lượng. Nhà nước cần phải thực hiện đồng thời các giải pháp nói trên để thúc đẩy sự phát triển của kinh tế tư nhân.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Thọ Đạt, Tô Trung Thành (đồng Chủ biên) (2018), *Đánh giá kinh tế Việt Nam thường niên 2017 - Tháo gỡ rào cản đối với sự phát triển của doanh nghiệp*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân.
- [2] Mai Lan Hương (2016), “Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu rộng với kinh tế khu vực và thế giới”, Tạp chí *Kinh tế và Phát triển*, số 227, tháng 6.
- [3] Lương Xuân Quỳnh (Chủ biên) (2006), *Quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
- [4] Hồ Văn Vĩnh (Chủ biên) (2003), *Kinh tế tư nhân và quản lý nhà nước đối với kinh tế tư nhân ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Lê Danh Vĩnh (Chủ biên) (2009), *Hoàn thiện thể chế về môi trường kinh doanh của Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] <https://baomoi.com/phat-trien-kinh-te-tu-nhan-o-viet-nam-nhung-rao-can-va-giai-phap-khac-phuc/c/25031004.epi>
- [7] <http://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/kinh-te-tu-nhan-dong-luc-quan-trong-trong-phat-trien-kinh-te-viet-nam-132737.html>
- [8] <http://viac.vn/goc-nhin-trong-tai-vien/thuc-day-doanh-nghiep-tu-nhan-lon-manh-a1164.html>
- [9] <http://vneconomy.vn/vi-sao-kinh-te-tu-nhan-mai-chua-chiu-lon-20181008091038097.htm>